TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2023/DS-PT
Ngày: 30/3/2023
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Ông **Trần Văn Đạt**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lưu Thị Loan**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 509/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 187/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 486/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Võ Thị Hải T, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Ch, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Lê Kim T1, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 88/2 Lê Thị Hồng G, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Võ Thị H, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 10/3 Trịnh Hoài Đức, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh Hoàng H1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 15 khu phố 4, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2022 và văn bản ủy quyền ngày 31/12/2022).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Kim T1, Võ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S trình bày: Do quen biết vợ chồng anh Lê Kim T1 và chị Võ Thị H nên chị T có cho vợ chồng anh T1 và chị H vay 2 lần tiền, cụ thể: Ngày 04/3/2020 vay 50.000.000 đồng, thời hạn 06 tháng; ngày 15/6/2020 vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 6 tháng. Sau khi vay thì vào khoảng tháng 6/2020 anh T1 và chị H có trả cho chị T được 25.000.000 đồng vốn nhưng không thanh toán lãi. Đến thời hạn trả nợ anh T1, chị H không trả cho chị T khoản nợ nào nữa. Thời gian gần đây anh T1, chị H bán nhà nên chị T yêu cầu anh T1, chị H trả số nợ và tính lãi nhưng anh T1, chị H không trả nên phát sinh tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/9/2022 và ngày 29/9/2022 người đại diện theo ủy quyền của chị T yêu cầu vợ chồng anh T1, chị H trả cho chị T số tiền vốn gốc 175.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền 150.000.000 đồng của biên nhận ngày 15/6/2020, lãi suất 1.66%/tháng, từ ngày 16/12/2020 đến ngày 29/9/2022 là 21 tháng 14 ngày với số tiền 53.662,000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 228.662.000 đồng, thực hiện một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Lê Kim T1 trình bày: Vào năm 2020 anh có nợ tiền cờ bạc của nhiều người nên anh có vay của chị Võ Thị Hải T 03 lần tiền tổng cộng là 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, mỗi tháng trả 7.500.000 đồng. Đối với biên nhận ngày 15/6/2020 là do anh viết và ký tên; việc vay và trả lãi anh và chị T thỏa thuận không cho gia đình anh biết, anh trả lãi đến tháng 5/2021 thì anh không còn khả năm đóng lãi nữa, anh có xin chị T trả lãi 1%/tháng và trả vốn 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ nhưng chị T không đồng ý. Chị T kiện yêu cầu vợ chồng anh trả số tiền 175.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 187.450.000 đồng, anh đồng ý trả số tiền vốn nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn, nợ nhiều người nên anh xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền vốn và xin không tính lãi. Đối với việc chị T kiện yêu cầu anh và vợ liên đới trả số tiền vốn, lãi thì anh không đồng ý, vì đây là nợ cá nhân của anh đới với chị T, khi vay anh không có nói cho chị H biết.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 05/5/2022, anh Lê Kim T1 không thừa nhận chữ ký của anh trong biên nhận ngày 15/6/2020 và anh có yêu cầu giám định chữ ký của anh; Hội đồng xét xử đã tạm ngưng phiên tòa để giám định, tại Kết luận giám định số 567/KL-KTHS (DD2) ngày 10/6/2022 kết luận là chữ ký của anh T1.

Bị đơn chị Võ Thị H trình bày: Chị Võ Thị Hải T khởi kiện yêu cầu chị và anh Lê Kim T1 phải liên đới trả chị T số tiền vay gốc là 175.000.000 đồng và trả lãi 1,66%/tháng, tính đến tháng 5/2021 là 12.450.000 đồng, thwucj hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu của chị T chị không đồng ý cùng anh T1 liên đới trả nợ, lý do là chị không có vay, mượn hay ký tên trên bất kỳ biên nhận, giấy mượn tiền nào của chị T.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 187/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 227, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Võ Thị Hải T

Buộc anh Lê Kim T1 và chị Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị Hải T tiền vốn, lãi là 208.662.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/10/2022, bị đơn anh Lê Kim T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Anh T1 không đồng ý cùng liên đới với chị H trả số tiền vốn, lãi 208.662.000 đồng; anh chỉ thiếu chị T số tiền 50.000.000 đồng; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu giám định chữ ký "Toàn" tại Biên nhận ngày 15/6/2022.

Ngày 12/10/2022, bị đơn chị Võ Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chị Võ Thị H không đồng ý cùng liên đới cùng anh Lê Kim T1 trả cho chị Võ Thị Hải T số tiền vốn và lãi 208.662.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng : Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của anh Lê Kim T1 và chị Võ Thị H: Chị T cho anh T1 và chị H vay hai lần là 200.000.000 đồng, có trả vốn được 25.000.000 đồng, còn nợ lai tiền vốn là 175.000.000 đồng. Anh T1 không thừa nhận biên nhận nợ ngày 15/6/2020 nhưng anh T1 không có chứng cứ gì để chứng minh. Anh T1 cho rằng nợ này là nợ của cá nhân anh và chị H không thừa nhận nợ chung của hai vợ chồng nhưng không có căn cứ gì để chứng minh nên yêu cầu kháng cáo của anh T1 và chị H là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Kim T1, Võ Thị H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về việc xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điền 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo và biên lai đóng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của anh Lê Kim T1 và chị Võ Thị H nộp trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Kim T1 và chị Võ Thị H:

Chị T căn cứ vào biên nhận ngày 04/3/2020 và giấy mượn tiền ngày 15/6/2020 kiện yêu cầu anh T1 và chị H trả số tiền vay là 175.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 04/3/2020 có nội dung anh T1 mượn của chị T 50.000.000 đồng, hạn trả là 6 tháng, anh T1 thừa nhận chữ ký biên nhận nợ này là của anh.

Biên nhận này 15/6/2020 có nội dung anh T1 mượn của chị T 150.000.000 đồng anh T1 không thừa nhận chữ ký của anh và yêu cầu giám định chữ ký. Tại kết luận giám định số 567/KL-KTHS(D92) ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận "Chữ ký mang tên Lê Kim T1 trên tài liệu cần giám định chữ ký hiệu A so với chữ ký mang tên Lê Kim T1 trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người ký ra".

Do đó có đủ căn cứ xác định anh T1 vay của chị T tổng cộng là 200.000.000 đồng.

Đối với số tiền vốn, chị T thừa nhận anh T1 có trả được 25.000.000 đồng nên số tiền vốn còn lại chỉ là 175.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi, trong hai biên nhận không có ghi, theo chị T thì lãi 2%/tháng, theo chị T thì Toàn không có trả lãi, theo anh T1 thì lãi 5%/tháng và anh có trả lãi 7.500.000 đồng mỗi tháng cho đến tháng 5 năm 2021 thì ngưng. Về cách thức trả lãi là anh trả trực tiếp cho chị T hoặc chuyển khoản qua ngân hàng nhưng không được phía chị T thừa nhận. Tại Công văn số 03/170 ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh Tiền Giang, phòng giao dịch Mỹ Tho thì từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 02 năm 2021 anh T1 có chuyển cho chị T năm lần với số tiền là 20.000.000 đồng, do đó chỉ có căn cứ xác định anh T1 trả tiền lãi cho chị T được 20.000.000 đồng.

Về trách nhiệm của vợ anh T1 là chị H đối với việc vay nợ của anh T1: Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa sơ thẩm tại Biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành ngày 24/11/2021 anh T1 và chị H đồng ý liên đới cùng trả chị T số tiền 187.450.000 đồng (trong đó tiền vốn là 175.000.000 đồng, tiền lãi là 12.450.000 đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật (bút lục 44,45,46) và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/9/2022 anh T1 thừa nhận anh vay tiền của chị T để sử dụng vào mục đích mua bán của gia đình. Do đó có đủ căn cứ xác định đây là nợ chung của anh T1 và chị T.

Chị T kiện yêu cầu anh T1 chị H trả số tiền vốn 175.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Đối với số tiền lãi chị T chỉ yêu cầu anh T1 trả lãi là 1,66%/tháng tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 29/9/2022 là 53.662.000 đồng là chưa trừ số tiền lãi 20.000.000 đồng mà anh T1 đã chuyển khoản trả chị T nên Tòa sơ thẩm chỉ chấp nhận một phần yêu cầu trả lãi của chị T, buộc anh T1 và chị H trả cho chị T số tiền lãi là 33.662.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm buộc anh T1 và chị H trả cho chị T số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 208.662.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Anh T1 và chị H kháng cáo nhưng không có căn cứ gì để chứng minh anh T1 chỉ có nợ chị T 50.000.000 đồng tiền vốn và đây là nợ riêng của anh T1 nên yêu cầu kháng cáo của anh T1 và chị H là không có căn cứ pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Anh T1 và chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Võ Thị H và anh Lê Kim T1.

- Giữ nguyên Bản án dân sơ thẩm số 187/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 288 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Võ Thị Hải T.

Buộc anh Lê Kim T1 và chị Võ Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Võ Thị Hải T tiền vốn, lãi là 208.662.000 đồng (Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T1 và chị H phải chịu là 10.433.100 đồng. Chị T phải chịu 1.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng theo biên lai thu số 0022755 ngày 12/10/2022 và chị H phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022754 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan